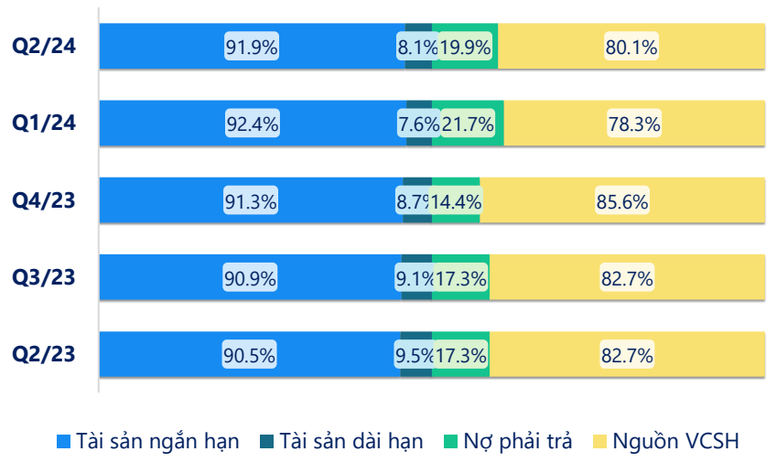
FireAnt

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,319
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,022
SL cổ phiếu LH	12,027,086
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	2.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	149
P/E	9.1
EPS	1,362

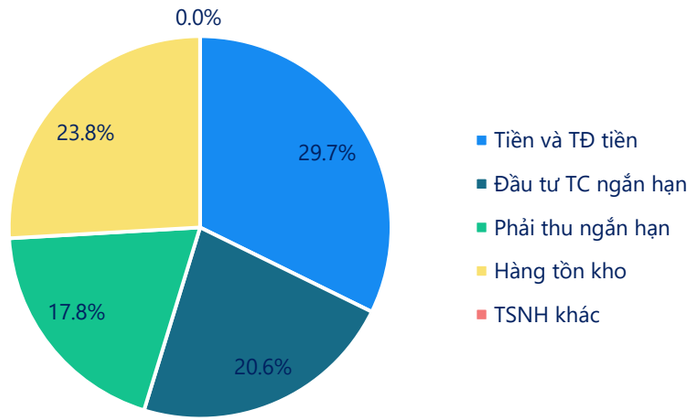
	YTD	1T	3T	6T
HSP	5.5%	0.0%	-2.2%	5.5%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%

Cơ cấu Tổng tài sản



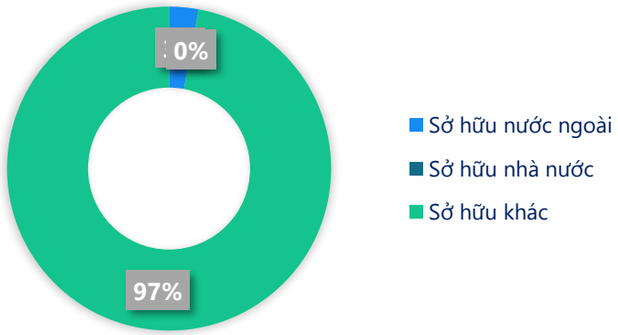
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



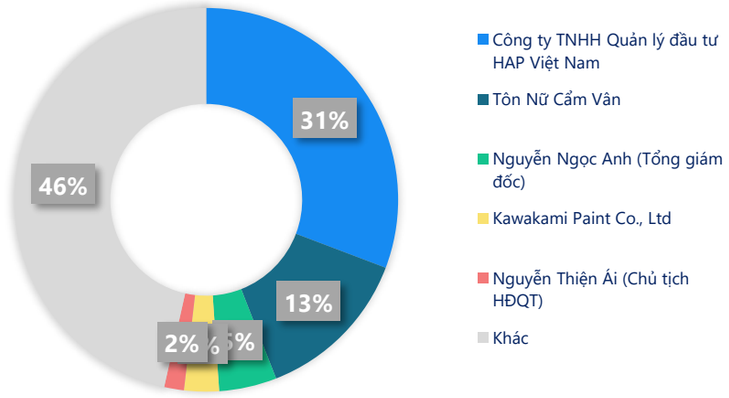
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



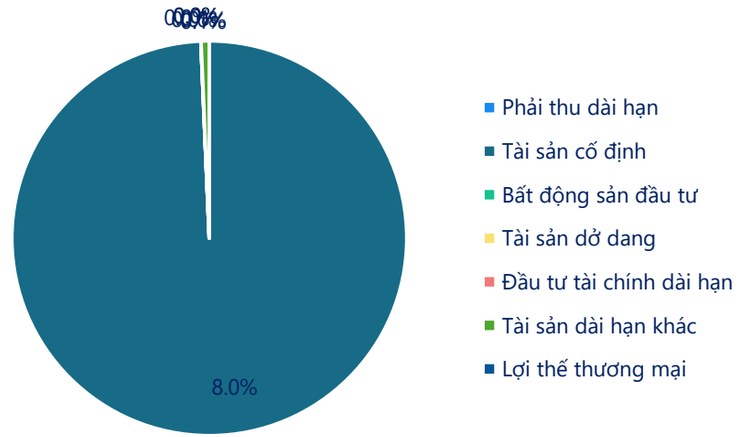
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

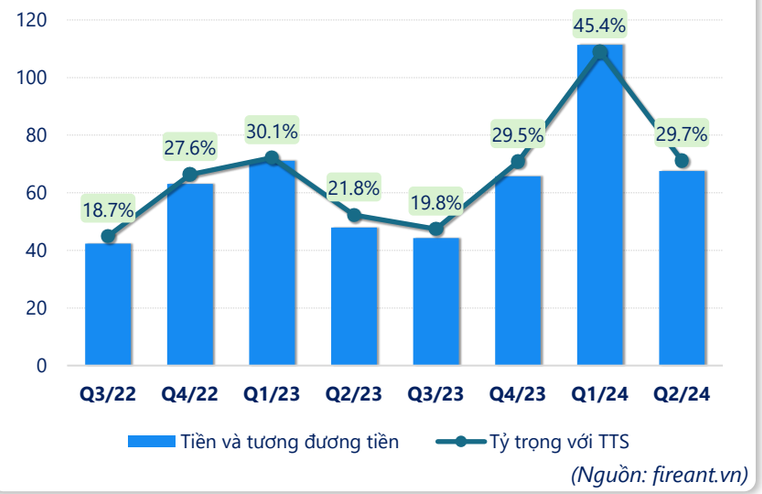


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

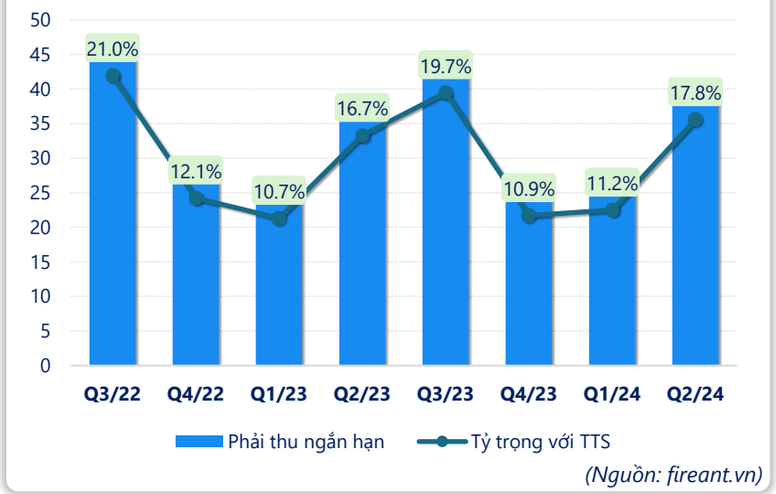
CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

Tiền và tương đương tiền



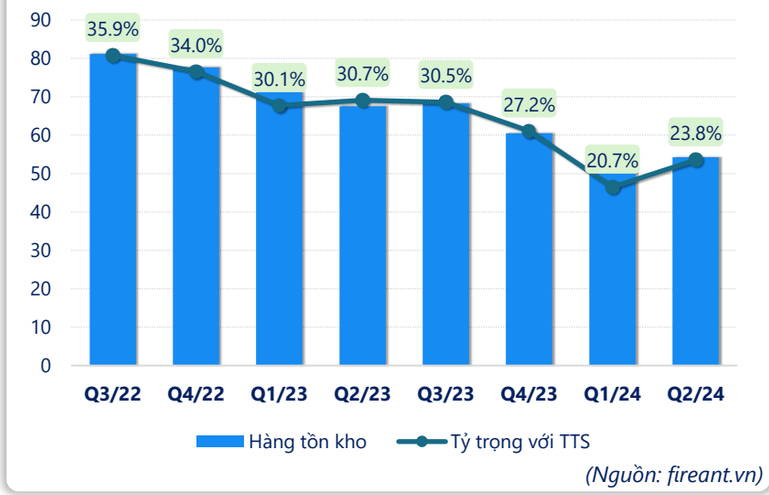
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



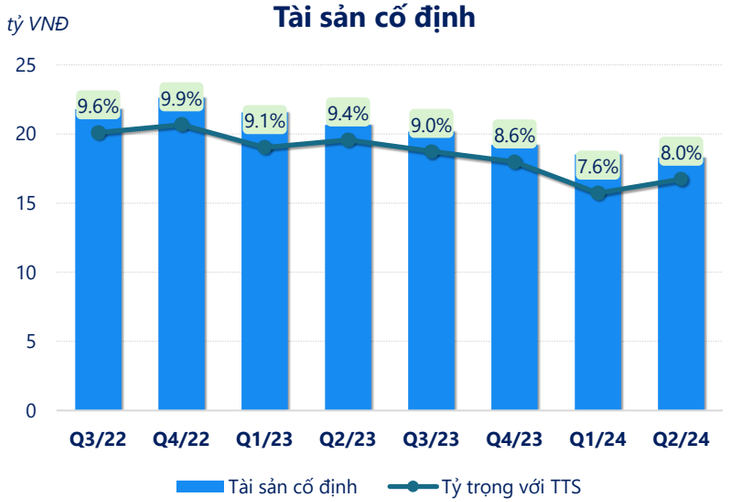
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



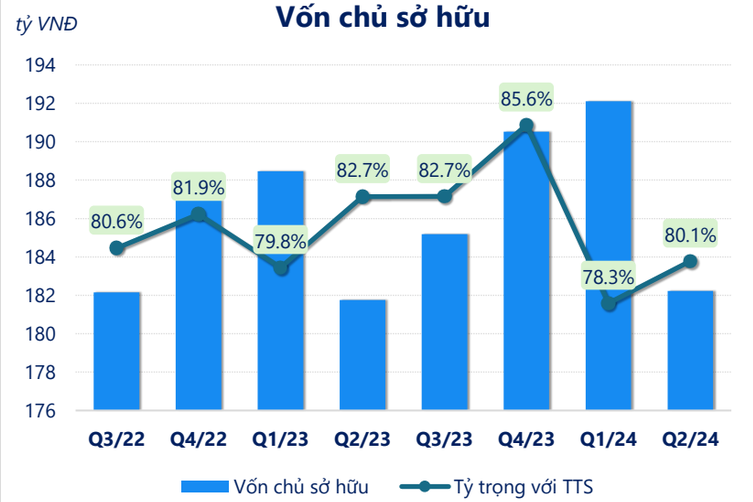
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

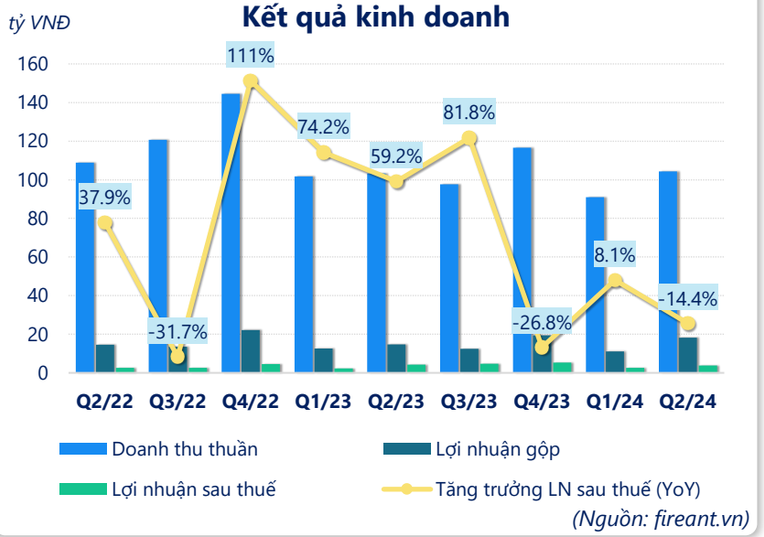


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

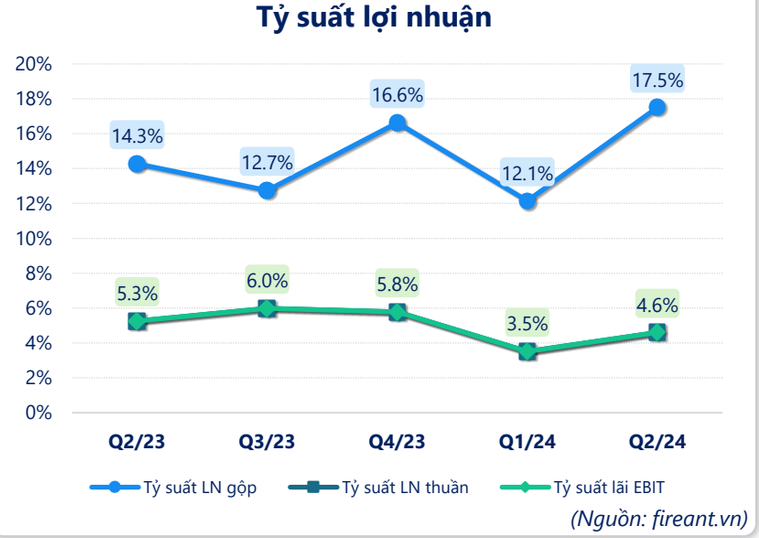
CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

Kết quả kinh doanh



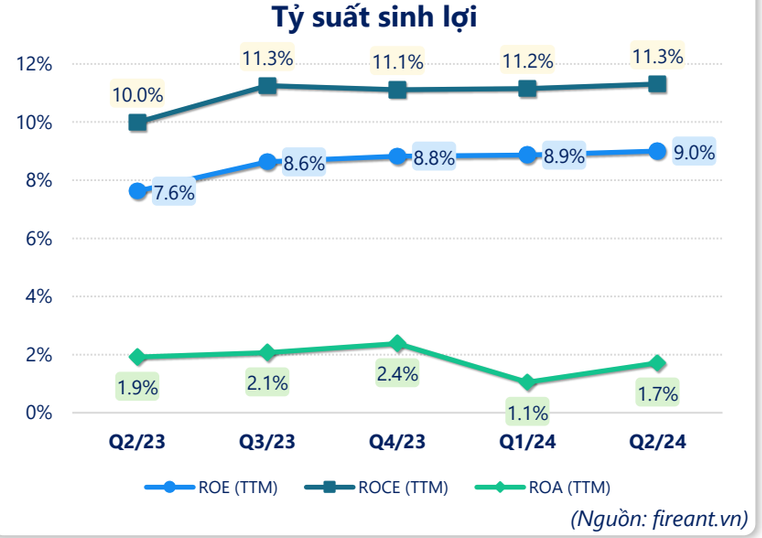
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



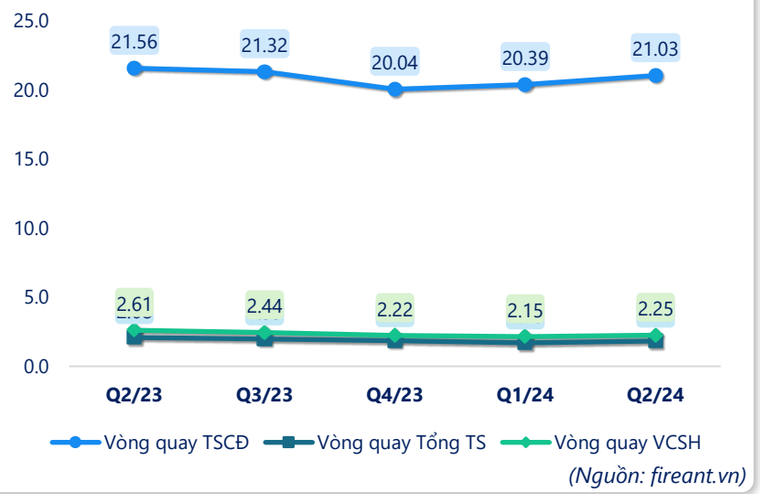
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



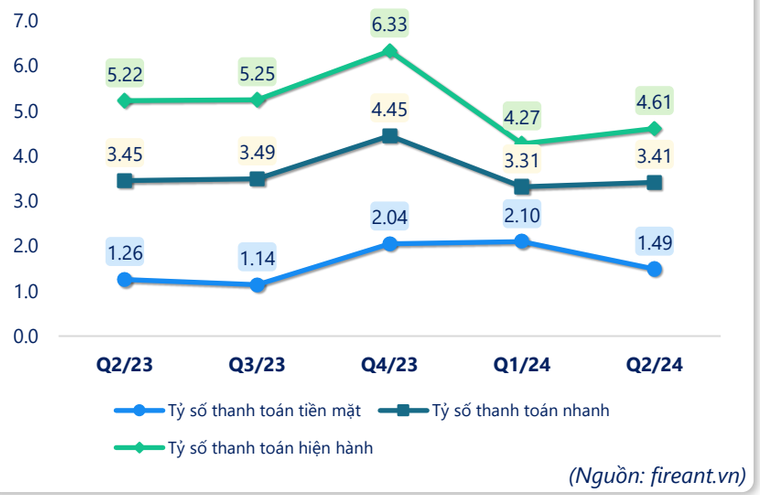
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



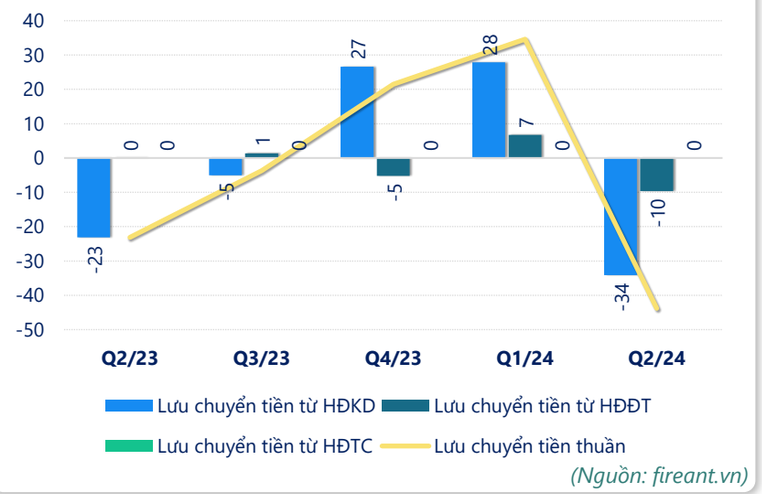
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sơn Tổng hợp Hà Nội (UPCOM: HSP)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**228**	**223**	**2.2%**
Tài sản ngắn hạn	209	203	2.9%
Tiền và tương đương tiền	67.5	81.7	-17.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.0	37.0	27.0%
Phải thu ngắn hạn	40.5	24.2	67.3%
Hàng tồn kho	54.2	60.5	-10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**18.4**	**19.4**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	18.3	19.2	-4.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.12**	**0.13**	**-7.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	45.4	32.4	40.0%
Nợ ngắn hạn	**45.4**	**32.4**	**40.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.79	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	23.0	10.0	129%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**182**	**190**	**-4.3%**
Vốn chủ sở hữu	**182**	**190**	**-4.3%**
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	103	97.6	117	91.0	104
Giá vốn hàng bán	88.6	85.2	97.3	79.9	86.0
Lợi nhuận gộp	14.7	12.4	19.4	11.0	18.3
Doanh thu HĐTC	1.54	1.13	2.02	1.75	0.27
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.38	2.10	5.63	2.89	4.21
Chi phí QLDN	8.47	5.63	9.05	6.71	9.51
LN thuần từ HĐKD	5.44	5.84	6.74	3.20	4.80
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0	0	0.00
LN trước thuế	5.44	5.84	6.74	3.20	4.80
Lợi nhuận sau thuế	4.32	4.65	5.37	2.53	3.84
LNST của CĐ cty mẹ	4.32	4.65	5.37	2.53	3.84

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-23.1	-5.01	26.6	27.9	-34.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	1.35	-5.18	6.75	-9.66
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	71.0	47.9	44.3	65.7	100
Lưu chuyển tiền thuần	**-23.1**	**-3.66**	**21.4**	**34.6**	**-43.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	47.9	44.3	65.7	100	56.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic